

## NHÌN LẠI VẤN ĐỀ CHỦ NGỮ GIẢ

HUỲNH THANH TRIỀU\*

Trong hoạt động của tiếng Pháp, có một loại chủ ngữ được các nhà ngôn ngữ học gọi là chủ ngữ giả (sujet apparent). Đó là *il* vô nhân xưng, trong những cấu trúc như *il faut, il pleut, il arrive un malheur...* Để giải thích khái niệm «giả», đa số các nhà nghiên cứu đều cho rằng khi đối chiếu với thực tế, *il* không chỉ xuất bất kỳ chủ thể nào, mà được sử dụng để đáp ứng một yêu cầu khắt khe của tiếng Pháp, vốn không cho phép tồn tại một câu tường thuật không có chủ ngữ. H. Weinrich, chẳng hạn, cho rằng về mặt ngữ nghĩa, *il* « bỏ trống vai trò của biểu vật » (Weinrich, 1989 tr. 80). Còn đối với A. Martinet, trong những câu như *il pleut*, người ta buộc phải dùng *il* vô nhân xưng vì « động từ đã khai thác hết những điều cần nói » (Martinet, 1979 tr. 159).

Việc đối chiếu ngôn ngữ với thực tế, và lấy thực tế làm cơ sở cho các nhận định về ngôn ngữ, không phải là một việc làm thiếu khoa học. Ai cũng biết rằng chức năng của ngôn ngữ là phản ánh cuộc sống. Vì vậy, chúng ta hoàn toàn có quyền tìm hiểu cung cách mà ngôn ngữ thực hiện chức năng của mình, tìm hiểu hình ảnh của cuộc sống trong ngôn ngữ, và coi đó là một trong những hướng nghiên cứu. Trên tinh thần đó, thuật ngữ « chủ ngữ giả », cùng với cách giải thích như trên, vẫn có thể gợi ra một khái niệm lý thú. Đó cũng là cách tiếp cận mà ngữ pháp truyền thống đã duy trì trong một thời gian dài. Tuy nhiên, có lẽ có một số điểm mà chúng ta phải xem xét lại.

**Thứ nhất**, trên bình diện ngữ nghĩa, có đúng là *il* không có đối tượng chỉ xuất?

Trong số những khái niệm mà cuộc sống đem đến cho chúng ta, có những khái niệm cụ thể, nhưng cũng có những khái niệm không cụ thể. Nguyên nhân của hiện tượng này là khả năng nhận biết của chúng ta rất hạn chế so với thế giới xung quanh, vốn phong phú và đầy bí ẩn. Vì vậy, trong một số trường hợp, tư duy của chúng ta có nhu cầu thiết lập những chủ thể mang

\* Tiến sĩ Trường ĐHSB TP.HCM.

tính « mơ hồ » để thể hiện những điều mà nó cảm nhận như vô định. Kết quả là những khái niệm mơ hồ trở nên hiện hữu, có mặt trong vô số những khái niệm khác nhau mà chúng ta sở hữu trong kiến thức của mình. Và một khi tư duy của chúng ta chấp nhận những khái niệm như vậy, chúng lập tức có quyền được diễn đạt bằng ngôn ngữ và chiếm một vị trí trong câu, như bất kỳ sự vật nào của thế giới khách quan mà chúng ta có khả năng ám chỉ. Đó chính là lý do tồn tại của *il* vô nhân xưng. Chắc chắn đây là một hiện tượng tâm lý chung, có mặt trong tất cả các cộng đồng ngôn ngữ, dù họ diễn đạt những chủ thể mơ hồ đó bằng cách nào. Một khảo sát sơ bộ cho thấy, ở điểm này, người Việt có những cách diễn đạt tương tự như người Pháp: *Hôm nay sao nó nóng thế / Nó cứ mưa mãi thế này thì làm sao đi được / Nó có cái gì đó không ổn trong câu trả lời của ông ta...* Có lẽ trong tiếng Việt những cách nói như vậy chưa bao giờ định hình một cách vững chắc như trong tiếng Pháp, nhưng không thể nói rằng chúng không tồn tại. Và đại từ *nó*, được dùng như trên, không thể không mang một nội hàm, dù là mơ hồ.

Cần nhận xét thêm rằng cùng với sự phát triển của tri thức loài người, chúng ta ngày càng có thái độ khắt khe đối với các khái niệm. Trước một diễn đạt của ngôn ngữ, chúng ta dễ có khuynh hướng đòi hỏi mỗi thành phần của nó phải tải một nội dung rõ ràng và phải tương ứng với một sự vật cụ thể của thế giới khách quan. Khuynh hướng đó là không thể đảo ngược, vì nó thể hiện nhu cầu nhận thức của lý trí. Song nó dễ làm cho chúng ta quên rằng trong quá khứ, tri thức của loài người hạn hẹp hơn rất nhiều so với ngày nay, và đã có vô vàn hiện tượng ngôn ngữ ra đời trong bối cảnh sơ khai đó. Ngày nay chúng ta biết rõ nguyên nhân nào dẫn đến những cơn mưa. Nhưng người xưa không có được kiến thức đó, vì vậy họ đã gán những cơn mưa cho chủ thể *nó*, và cách ám chỉ như vậy là tối ưu, chứ không mang tính « vô nhân xưng » như chúng ta có cảm giác ngày nay. Bên cạnh đó, cũng không nên quên rằng ngôn ngữ có tốc độ phát triển rất chậm so với sự phát triển của tri thức loài người. Dù tri thức của chúng ta phát triển tới đâu, ngôn ngữ luôn luôn là kẻ đi sau, do sự níu kéo của những qui ước đã có từ trước, và vì những qui ước đó đã « đờ » định hình. Đó chính là nguyên nhân của hiện tượng chênh lệch giữa phương thức diễn đạt và bản chất của sự việc được diễn đạt, mà chúng ta cảm nhận ở rất nhiều thành ngữ, trong số đó *il pleut (nó mưa)* chỉ là một ví dụ. Như vậy, khi xem xét một hiện tượng ngữ nghĩa, chúng ta không thể không tính tới yếu tố từ nguyên của nó, và không nhất thiết dựa vào những tiêu chí khoa học để đánh

giá những cách diễn đạt có nguồn gốc từ thời kỳ còn rất thiếu tri thức khoa học, cho dù một số quan điểm như vậy vẫn được coi là «chính thống».

**Thứ hai,** có phải lúc nào chúng ta cũng có nhu cầu nêu đích danh chủ thể của hành động ?

Trong một số tình huống của cuộc sống, chúng ta thấy mình rơi vào thế bị động, phải chịu tác động của những sự việc xảy ra từ bên ngoài. Lúc đó, về mặt tâm lý, chúng ta có khuynh hướng nhìn chủ thể của sự việc một cách rất khái quát, khái quát tới mức không cần nêu đích danh nó, mà chỉ coi nó như một tác nhân nào đó, có ảnh hưởng đến mình. Kết quả là đối với bất cứ sự việc nào mà chúng ta nhìn như không có lợi hoặc không được mong đợi, chúng ta đều gán cho chủ thể nó. Ví dụ: *Tôi không thể làm việc ở đây được, nó ồn quá / Nó đã xảy ra bao nhiêu điều phiền phức với tôi / Tôi đã về nhất trong cuộc thi, nhưng nó có một chút may mắn trong chuyện này...* Thậm chí, để thể hiện trạng thái bị động, người Việt còn có những cách nói hết sức lạ lẫm: *Hôm nay tôi không đi làm, nó mệt mệt làm sao ấy / Tôi không đọc sách nữa đâu, nó đau đầu lắm.* Ở đây, về mặt ngữ nghĩa, không hề có khó khăn trong việc xác định chủ thể thật của các sự việc. Chúng ta hoàn toàn có thể nói: *Người ta làm ồn quá / Bao nhiêu điều phiền phức đã xảy ra với tôi / Tôi có một chút may mắn trong chuyện này / Tôi mệt / Tôi đau đầu.* Ngay cả khi nói về thời tiết, chúng ta cũng có thể nói *Sao hôm nay trời nóng thế,* thay vì *Sao hôm nay nó nóng thế.* Song, nguyên nhân khiến chúng ta có khuynh hướng dùng nó thay cho một cái tên cụ thể, đó là sự tiện lợi trong việc qui trách nhiệm cho một thế giới nào đó, chung chung, thuộc phạm vi « định mệnh », và bằng cách đó, chúng ta thể hiện được trạng thái bị động của mình. Nói cách khác, ở đây, chủ thể mơ hồ được chúng ta chủ động thiết lập nên nhằm thỏa mãn một nhu cầu về sắc thái, chứ không phải vì chúng ta gặp khó khăn trong nhận thức. Điều đó càng chứng minh rằng những khái niệm mơ hồ trong tâm trí chúng ta là hiện hữu, có công dụng của chúng, và tồn tại một cách bình đẳng với những khái niệm khác, nhờ đó mà chúng có quyền được diễn đạt bằng một phương cách cụ thể và đóng một vai trò cụ thể trong câu. Một lần nữa, so sánh tiếng Pháp với tiếng Việt, người ta không thấy có khác biệt lớn ở điểm này: *Il y a trop de bruit ici – On fait trop de bruit ici / Il m'est arrivé beaucoup de vicissitudes – Beaucoup de vicissitudes me sont arrivées / Il y a eu une chance – J'ai eu de la chance.*

**Thứ ba,** trên bình diện ngữ pháp, liệu một chủ ngữ có thể «giả»?

Trước hết, phải thấy rằng câu là một tổ chức phức tạp. Nó tập hợp những bình diện khác nhau trong cơ cấu của nó, và điều đó có thể gây lúng túng cho người nghiên cứu. Một trong những tình trạng mà người nghiên cứu có thể gặp phải, đó là sự nhầm lẫn giữa các bình diện. Thuật ngữ *chủ ngữ giả*, cùng với cách giải thích của nó, là một sự nhầm lẫn giữa bình diện ngữ pháp và bình diện ngữ nghĩa. *Chủ ngữ* là một khái niệm thuộc phạm trù ngữ pháp. Còn các khái niệm *thật, giả*, như được trình bày trong sách vở, lại thuộc bình diện ngữ nghĩa. *Chủ ngữ* báo cho chúng ta biết về một vai trò *chủ* mà giá trị của nó chỉ nằm trong phạm vi ngữ, chứ không ngụ ý rằng vai trò này phải tương ứng với một chủ thể trên thực tế. Ngược lại, *chủ thể* là một khái niệm thuộc ngữ nghĩa, nó báo cho chúng ta biết về một vai trò mang tính tác nhân, xuất phát điểm của một hành động trên thực tế, nhưng không đòi hỏi rằng nó phải đóng vai trò *chủ ngữ* trong câu. Rất thường xuyên, cái mà chúng ta cảm nhận như *chủ thể* của một hành động trên thực tế lại được diễn đạt như *khách thể* trong câu, và ngược lại, thành phần đóng vai trò *chủ ngữ* trong câu có khi cho chúng ta cảm giác về một *khách thể* trên thực tế. Có rất nhiều ví dụ như vậy trong tiếng Pháp cũng như trong tiếng Việt, mặc dù không phải lúc nào chúng cũng trùng nhau về mặt nội dung: *Ma famille me manque / Elle me plaît / Il a reçu une bonne leçon / Cô ấy gặp tai nạn / Thành bé bị nhiễm lạnh / Nó đã nhận một bài học đích đáng*. Bằng chứng rõ nhất của hiện tượng này là những câu bị động, một loại câu mà *chủ ngữ* của nó đại diện cho *khách thể*, chứ không đại diện cho *chủ thể* của hành động: *Une nouvelle étoile a été découverte par les astronomes / Le garçon a été puni par son maître / Một ngôi sao mới đã được các nhà thiên văn học phát hiện / Thành bé đã bị thầy giáo phạt*. Về điểm này, chính Martinet cũng nhận xét: «Đối với *chủ ngữ*, người ta không thể đưa ra một định nghĩa theo kiểu *chủ ngữ là người thực hiện hành động*» (Martinet, tr. 158). Hiển nhiên, nhà ngôn ngữ học Pháp đã có lý, nhưng những khó khăn mà ngữ pháp truyền thống gặp ở đây không xuất phát từ sự trở trêu của ngữ nghĩa, mà do bản thân bình diện ngữ nghĩa đã được sử dụng một cách không đúng chỗ trong việc nghiên cứu một bình diện khác, rất ít bị chi phối bởi ngữ nghĩa - bình diện ngữ pháp. Như vậy, nếu đối chiếu hai bình diện - ngữ pháp và ngữ nghĩa - chúng ta có thể kết luận rằng không có gì buộc *chủ thể* phải là *chủ ngữ*, và ngược lại, không có gì buộc *chủ ngữ* phải là *chủ thể*. Thậm chí, việc *il* «vô nhân xưng», vốn bị coi là không có đối tượng để ám chỉ, phải có mặt trong một số cấu trúc ngữ pháp để đóng vai trò *chủ ngữ*, càng chứng minh rằng bình diện ngữ pháp có những qui tắc riêng của nó, và không hoàn toàn

phụ thuộc vào bình diện ngữ nghĩa. Sự độc lập của bình diện ngữ pháp thể hiện rất rõ khi *il* vô nhân xưng luôn luôn bắt động từ phải chia theo ngôi thứ ba số ít, dù «chủ ngữ thật» ở số ít hay số nhiều: *Il s'est passé un événement important / Il s'est passé des événements importants*. Tất cả những điều này cho thấy rằng khi xem xét vai trò chủ ngữ, chúng ta có quyền giới hạn vấn đề trong phạm vi ngữ pháp mà bỏ qua bình diện ngữ nghĩa. Chủ ngữ, lúc đó, đơn thuần là thành phần chi phối vị ngữ. Còn việc nó tải một nội dung cụ thể hay mơ hồ, và có ám chỉ một tác nhân trên thực tế hay không, điều đó không phải là yếu tố quyết định. Một khi được xác định theo tiêu chí trên, chủ ngữ chỉ có thể là thật chứ không thể giả. Và nói chung, trên bình diện ngữ pháp, không thể tồn tại một khái niệm giả. Còn khái niệm «vô nhân xưng», lúc đó, cũng không còn ý nghĩa.

Lucien Tesnière nói: «Câu là một vở kịch nho nhỏ» (Tesnière, 1982 tr. 102). Có lẽ ông linh cảm rằng một câu nói luôn luôn là sự cách điệu của sự việc mà nó phản ánh, giống như một vở kịch luôn luôn là sự cách điệu của câu chuyện mà nó truyền tải. Nếu đúng như vậy, chúng ta càng có cơ sở để phân biệt bình diện ngữ pháp và bình diện ngữ nghĩa. Khi đó, những diễn tiến mà chúng ta cảm nhận trong câu phải được hiểu là những diễn tiến của «vở kịch cú pháp», và phải được giải thích theo tiêu chí cú pháp. Trong một câu như *Ma famille me manque*, dù bình diện ngữ nghĩa không cho chúng ta cảm giác rằng *Ma famille* thực hiện một hành động nào đó, cụm danh từ này vẫn đóng vai trò chi phối đối với động từ *manque*, và vì vậy nó có quyền được coi là chủ ngữ. Trên tinh thần đó, thành phần *il* vô nhân xưng của tiếng Pháp, với vai trò chi phối động từ, cũng phải được xem là một chủ ngữ đích thực, như bất kỳ chủ ngữ nào. Còn những thành phần mà ngữ pháp truyền thống vẫn coi là «chủ ngữ thật», như *un malheur* hay *des événements importants*, trong *il arrive un malheur* và *il s'est passé des événements importants*, chỉ là những bổ ngữ cho các động từ *arrive* và *s'est passé*.

Cuối cùng, có đúng là thực tế khách quan luôn luôn được tôn trọng để xác định những khái niệm «thật», «giả»?

Ngữ pháp truyền thống dựa vào thế giới khách quan để đưa ra khái niệm «chủ ngữ giả». Song ngay cả trong thao tác này, nó cũng không được chặt chẽ. Thậm chí nó có thể mâu thuẫn với chính mình. Vấn đề là có rất nhiều chủ thể tồn tại trong đời sống văn hóa, trong quan niệm của loài người, và chiếm vị trí chủ ngữ trong vô vàn cấu trúc ngữ pháp, nhưng chưa bao giờ

tồn tại trên thực tế. Nàng Bạch Tuyết, Chú lính chì, Điệp viên 007, Harry Potter ám chỉ ai trên thực tế? Nếu phải cho những nhân vật này một cái tên ngữ pháp, và nếu chúng ta dựa vào tiêu chí mà ngữ pháp truyền thống đề ra, có lẽ đây mới chính là những *chủ ngữ giả*. Và danh sách những nhân vật như thế này chắc chắn còn rất dài. Tuy nhiên, nếu xét vấn đề dưới một khía cạnh khác, sự sơ hở trên của ngữ pháp truyền thống lại nói lên một điều rất có ý nghĩa: việc chúng ta có khả năng tạo ra những nhân vật hoang tưởng và để cho chúng đóng những vai trò ngữ pháp khác nhau, trong đó có vai trò chủ ngữ, càng chứng minh rằng trí tưởng tượng của chúng ta có rất nhiều quyền lực trong việc thiết lập các loại khái niệm, cũng như trong việc phân công cho chúng những chức năng cú pháp khác nhau. Điều đó cũng cho thấy rằng cái mà chúng ta vẫn gọi là *biểu vật* (référent) không nhất thiết phải là một sự vật hiện hữu trong thế giới khách quan, mà có thể chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng. Trên tinh thần đó, sự tồn tại của *il vô nhân xưng* không thể bị xem là một điều dị biệt về mặt ngữ nghĩa. Xét theo tiêu chí xác thực, không có gì chứng minh được rằng những nhân vật nêu trên là thật hơn *il vô nhân xưng*.

Hiển nhiên, vấn đề cơ bản được nêu trong bài báo này là nhằm xem xét lại một quan niệm kinh điển về một chức năng cú pháp. Song, trên bình diện rộng, bản chất của nó có lẽ cũng thông báo cho chúng ta nhiều điều về tư duy của chúng ta trước thực tế và trước ngôn ngữ của chính mình. Một trong những luận điểm cơ bản của ngôn ngữ học có nói rằng thực tế không bao giờ được phản ánh một cách trung thực trong ngôn ngữ, vì sự cảm nhận của chúng ta giống như một lăng kính, và những sự việc của thực tế, khi đi qua lăng kính đó, đều bị khúc xạ. Vậy, chúng ta phải công nhận rằng nội dung được truyền tải trong một câu luôn luôn là một nội dung đã bị khúc xạ. Nội dung đó trực tiếp mang dấu ấn của chúng ta, và chỉ gián tiếp mang dấu ấn của thực tế. Điều này có nghĩa là cơ sở để đánh giá các chức năng cú pháp, đó là cách chúng ta diễn đạt một sự việc mà chúng ta cảm nhận từ thực tế, chứ không phải là bản thân thực tế. Chỉ theo nguyên tắc đó chúng ta mới lý giải được tại sao giữa ngôn ngữ và thực tế có một số điểm không «khớp», nhưng trên từng bình diện thì chúng lại nằm trong một hệ thống chặt chẽ, có chức năng rõ ràng của mình. Như vậy, để xem xét một số vấn đề của ngôn ngữ, thái độ khoa học nhất, đó là đặt mình vào vị trí của người nói, và cố gắng hình dung điều gì dẫn đến lời nói của mình, chứ không phải luôn luôn lấy thế giới bên ngoài làm khuôn mẫu, và muốn rằng mỗi thành phần của ngôn ngữ phải tương ứng với một sự vật cụ thể của thế giới đó. Cùng với hiện tượng «chủ ngữ giả», còn có rất nhiều hiện

tượng ngôn ngữ khác cho thấy sự «lấn lướt» của con người trước thực tế khách quan: chiếc xe máy của chúng ta để ngoài sân hay trong sân? Chiếc quạt trần được treo trên trần hay dưới trần? Tại sao đôi khi chúng ta nói kinh khủng để ám chỉ tuyệt vời? Như vậy, thay cho lời kết của một vấn đề thuộc lĩnh vực ngôn ngữ nhưng có liên quan chặt chẽ đến bình diện tâm lý, có thể nói rằng nếu thế giới khách quan là hiện hữu, thì những khái niệm mà chúng ta tạo dựng nên trong tâm trí mình cũng là hiện hữu, dù chúng có phản ánh chính xác thế giới khách quan hay không. Và vì cả hai đều góp phần tạo nên ngôn ngữ, mỗi đối tác trên đều có quyền để lại dấu ấn của mình.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Arrivé M (1986). *La grammaire d'aujourd'hui*, Flammarion, Paris.
2. Dubois J., Lagane R (1975), *La nouvelle grammaire du français*, Larousse, Paris.
3. Grevisse M., Goosse A (1980), *Nouvelle grammaire française*, Duculot, Paris.
4. Le Querler N (1994), *Précis de syntaxe française*, Presses Universitaires de Caen.
5. Martinet A (1979), *Grammaire fonctionnelle du français*, Didier, Paris.
6. Mauger G (1984), *Grammaire pratique du français d'aujourd'hui*, Librairie Hachette, Paris.
7. Tesnière L (1982), *Éléments de syntaxe structurale*, Editions Klincksieck, Paris.
8. Weinrich H (1989), *Grammaire textuelle du français*, Didier, Paris.

#### Tóm tắt:

#### Nhìn lại vấn đề Chủ ngữ giả

«Chủ ngữ giả» là một khái niệm khá bền vững trong ngôn ngữ học. Song, trên thực tế, nó đã không được hình thành với một tiêu chí chặt chẽ, do đó có thể gây ra một quan niệm không phù hợp với bản chất của ngôn ngữ. Bài viết này có ý định làm sáng tỏ những nguyên nhân dẫn đến khái niệm trên, và đề xuất một cách nhìn khác.

#### Abstract:

#### Looking at the matter of pseudo subject

«Pseudo subject» is rather a solid conception in linguistics. However, in reality it has not formed as a scientific criterion, therefore, can not exist as in one scientific conception. This paper intends to have in lights the causes of that concept, and suggests another point of view.